

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2025
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

Bà Hà Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị Kim C, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ I, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lâm Đ, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Tổ I, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Kim C trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Đặng T quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất làm lễ

cưới, nhưng đến thời gian sau này mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyền số 01, ngày 09/4/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sinh sống tại tổ E, ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Thời gian sau này thì chuyển về sinh sống tại tổ I, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2024, giữa chị và anh Đặng phát S mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên chị và anh Đ đã ly thân từ đó cho đến nay. Vì các lý do trên, chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống như thế này được nữa, chị muốn giải thoát cuộc hôn nhân này, để mỗi người có cuộc sống tốt hơn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh Đ có hai người con chung tên Lâm Nhã K, sinh ngày 29/3/2010 và Lâm Khánh D, sinh ngày 10/7/2021. Từ ly thân đến nay hai con đang ở với chị. Nên khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị C xác nhận trong quá trình chung sống chị và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Lâm Đ trình bày tại bản tự khai như sau:

Anh thống nhất với trình bày của chị C về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, anh có ý kiến như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh đồng ý ly hôn với chị Thị Kim C.

- *Về quan hệ con chung*: Anh đồng ý giao hai người con chung tên Lâm Nhã K, sinh ngày 29/3/2010 và Lâm Khánh D, sinh ngày 10/7/2021 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Anh và chị C không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Thị Kim C xin được ly hôn và nuôi con với anh Lâm Đăng . Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Lâm Đăng C1 nơi cư trú tại tổ I, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Thị Kim C, bị đơn anh Lâm Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thị Kim C và anh Lâm Đăng T quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới, nhưng đến thời gian sau này mới đăng ký kết hôn và được UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01 ngày 09/4/2012. Như vậy, hôn nhân giữa chị C với anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị C về việc xin ly hôn với anh Đăng T1 rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị C và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn, mà theo trình bày của chị C là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên chị và anh Đ đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị C xác định trong thời gian chị và anh Đ sống ly thân với nhau, thì giữa chị và anh Đ không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên để hai bên đoàn tụ gia đình, nhưng chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Đ. Đồng thời, anh Đ cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị C.

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị C yêu cầu được ly hôn với anh Đ là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh Đ.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Chị C và anh Đ có hai người con chung tên Lâm Nhã K, sinh ngày 29/3/2010 và Lâm Khánh D, sinh ngày 10/7/2021. Từ ly thân đến nay hai con đang ở với chị C. Nên khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

HĐXX xét thấy, từ khi chị C và anh Đ sống ly thân với nhau cho đến nay, thì chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Nhã K, Khánh D và hiện nay hai cháu vẫn phát triển bình thường. Đồng thời, anh Đ cũng có bản tự khai đồng ý giao hai con chung cho chị C2 trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp hai cháu Nhã K, Khánh D phát triển tốt về mọi mặt, nên tiếp tục giao cho chị C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung*: Chị C và anh Đ trình bày thống nhất là trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Kim C được ly hôn với anh Lâm Đăng .

2. Về quan hệ con chung: Giao hai cháu tên Lâm Nhã K, sinh ngày 29/3/2010 và Lâm Khánh D, sinh ngày 10/7/2021 cho chị Thị Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Thị Kim C nuôi con; anh Lâm Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Thị Kim C và anh Lâm Đ trình bày thống nhất là trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị Kim C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009914 ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị C không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Mỹ Lâm,
Hòn Đất, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Nguyễn Thanh Huy